

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026 (đợt 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 01/11/2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 88/TTr-SNNMT ngày 06/02/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026 (đợt 1) đối với 06 khu vực mỏ khoáng sản nhóm III.

*(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải công khai Kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 12 ngày làm việc kể từ ngày ký.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện các thủ tục tiếp theo và lựa chọn, thuê đơn vị tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản đã nêu tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, có hiệu quả theo đúng quy định.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

4. Giao UBND các xã: Cát Thịnh, Sơn Lương, Khánh Hoà, Võ Lao, Xuân Ái, Mậu A, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quế, Tân Hợp thực hiện cập nhật đối với các khu vực mỏ và các khu vực phụ trợ (gồm cả các khu vực mỏ chưa xác định được khu vực phụ trợ) của mỏ trên vào Quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã trong quá trình lập, điều chỉnh, phê duyệt Quy hoạch xây dựng (đối với các mỏ, khu vực phụ trợ chưa phù hợp quy hoạch xây dựng).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng thuế tỉnh Lào Cai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Cát Thịnh, Sơn Lương, Khánh Hoà, Võ Lao, Xuân Ái, Mậu A, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quê, Tân Hợp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (thay báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Tú, Bích);
- Lưu: VT, KT<sup>Thủy, Nho</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



---

**Nguyễn Thành Sinh**

**KẾ HOẠCH****Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026 (đợt 1)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản, trên nguyên tắc minh bạch, công khai, liên tục, công bằng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

- Thông qua đấu giá lựa chọn được những tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để đảm bảo thực hiện dự án hoạt động khoáng sản và thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

- Đáp ứng kịp thời nhu cầu nguồn vật liệu xây dựng cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh thời gian tới; góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phát huy lợi thế, đầu tư khai thác hiệu quả, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản.

**2. Yêu cầu**

- Các khu vực khoáng sản lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Lào Cai, Quy hoạch tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) đã được phê duyệt và nhu cầu sử dụng khoáng sản cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; không thuộc các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản và không thuộc khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) khoanh định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Làm cơ sở để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 (sau đây viết tắt là Luật Đấu giá tài sản); Nghị

định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

- Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật, khách quan, minh bạch, công khai, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

## II. NỘI DUNG

### 1. Danh mục khu vực có khoáng sản

Đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường năm 2026 (đợt 1), gồm 06 mỏ khoáng sản nhóm III (chưa có tài liệu thăm dò), gồm:

1.1. Mỏ đá vôi làm VLXDĐT thôn Hùng Thịnh, xã Cát Thịnh, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Đá vôi thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái), (khu vực khai thác có diện tích là 3,0 ha, chưa xác định khu vực phụ trợ dự kiến).

1.2. Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường thôn Bản Giồng, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Khu đá vôi làm VLXDĐT, xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn (từ 01/02/2020 sáp nhập vào Thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái)), (khu vực khai thác có diện tích là 6,9 ha, chưa xác định khu vực phụ trợ dự kiến).

1.3. Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường thôn Làng Mường, xã Khánh Hòa, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Mỏ đá Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Lào Cai), (khu vực khai thác có diện tích là 2,3 ha, chưa xác định khu vực phụ trợ dự kiến).

1.4. Mỏ cát, sỏi trên suối Nhù thôn Ngẫu 3, xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Mỏ cát trên suối Nhù, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn diện tích 2,9 ha và Mỏ cát thôn Ngẫu 3, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai diện tích 12,4 ha), (Diện tích khu vực khai thác là 7,5 ha, khu vực phụ trợ dự kiến có diện tích 0,8 ha):

1.5. Mỏ cát, sỏi trên suối Ngòi Thia thuộc các thôn Yên Hòa, Yên Phú Thôn xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Điểm Cát, sỏi Yên Hợp, xã Yên Hợp, Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái),

(gồm 4 điểm mỏ với tổng diện tích là 14,7 ha, khu vực phụ trợ dự kiến diện tích 0,37 ha):

1.6. Mỏ cát, sỏi trên sông Hồng thuộc các xã Mậu A, Xuân Ái, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quế, tỉnh Lào Cai (tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: 05 điểm cát sỏi tại các xã An Thịnh, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quế Thượng, Lang Thíp), (gồm 4 điểm mỏ với tổng diện tích là 30,0 ha, khu vực phụ trợ dự kiến có diện tích 0,44 ha thuộc xã Tân Hợp):

(Chi tiết có Danh mục và sơ đồ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

## **2. Thời gian thực hiện**

Trong năm 2026, trường hợp trong năm 2026 chưa thực hiện đấu giá thành công thì tiếp tục thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2027.

## **3. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá**

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

## **4. Các phiên đấu giá:**

Do Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản điều hành theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

## **5. Về nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, các bước tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

Tổ chức đấu giá theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 và các quy định pháp luật có liên quan.

## **6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Theo các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

# **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước cho khu vực đưa ra đấu giá, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt..

- Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xét duyệt điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thống nhất cách thức tiến hành bỏ phiếu và số vòng đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

- Lập dự toán kinh phí tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản đối với các khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan thực hiện rà soát, xác định cụ thể vị trí, diện tích khu vực phụ trợ của các mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản để đưa vào trong quy hoạch sử dụng đất theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước cho đối với các mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tham gia thẩm định, lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Sở Nông nghiệp và Môi trường lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## **3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Chỉ đạo Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai thông báo và đăng tải công khai Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai; thông báo và đăng tải công khai thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản; danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá, kết quả trúng đấu giá trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai.

## **4. Công an tỉnh**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham dự, giám sát các cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật, dấu hiệu bất thường, cố tình đẩy giá, lợi dụng cuộc đấu giá để trục lợi thì kiên quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm.

## **5. Các Sở, ngành, địa phương**

Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch này; cử cán bộ, lãnh đạo tham gia thẩm định, lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, quyết định./.

**Phụ lục**

**DANH MỤC KHU VỰC CÓ KHOÁNG SẢN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)*

STT	Loại khoáng sản	Tên mỏ; vị trí	Hệ tọa độ VN 2000, KTT: 104°45', MC: 3°			Diện tích mỏ (ha)	Diện tích khu vực phụ trợ mỏ (ha)	Tình trạng tài liệu thăm dò	Vị trí bản vẽ	Ghi chú
			Điểm góc	X (m)	Y (m)					
1	Đá vôi làm VLXD	Đá vôi làm VLXDDTT thôn Hùng Thịnh, xã Cát Thịnh, tỉnh Lào Cai <i>(tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Đá vôi thôn Ba Khe, xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái)</i>	1 2 3 4	2381957 2381908 2381706 2381764	491802 491928 491835 491707	3,0	Chưa xác định	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 1	<i>Không bố trí nơi làm việc, nhà ở công nhân trong phạm vi 500 m tính từ khu vực khai thác mỏ</i>
2	Đá vôi làm VLXD	Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường thôn Bản Giồng, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai <i>(tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Khu đá vôi làm VLXD, xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn (từ 01/02/2020 sáp nhập vào Thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái))</i>	1 2 3 4 5 6 7	2397963 2397826 2397699 2397659 2397659 2397859 2397944	471333 471326 471343 471242 471110 471060 471134	6,9	Chưa xác định	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 2	<i>Không bố trí nơi làm việc, nhà ở công nhân trong phạm vi 500 m tính từ khu vực khai thác mỏ</i>
3	Đá vôi làm VLXD	Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường thôn Làng Mường, xã Khánh Hòa, tỉnh Lào Cai <i>(tên mỏ</i>	1 2 3 4	2449185 2449152 2449099 2449019	489498 489565 489564 489593	2,3	Chưa xác định	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 3	<i>Không bố trí nơi làm việc, nhà ở công nhân trong phạm vi 500 m</i>

STT	Loại khoáng sản	Tên mỏ; vị trí	Hệ tọa độ VN 2000, KTT: 104°45', MC: 3°			Diện tích mỏ (ha)	Diện tích khu vực phụ trợ mỏ (ha)	Tình trạng tài liệu thăm dò	Vị trí bản vẽ	Ghi chú
			Điểm góc	X (m)	Y (m)					
		<i>trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Mỏ đá Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Lào Cai)</i>	5 6 7	2448915 2449055 2449082	489518 489419 489476				<i>tính từ khu vực khai thác mỏ</i>	
4	Cát, sỏi làm VLXDTT	Mỏ cát, sỏi trên suối Nhù thôn Ngẫu 3, xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai ( <i>tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Mỏ cát trên suối Nhù, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn diện tích 2,9 ha và Mỏ cát thôn Ngẫu 3, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai diện tích 12,4 ha</i> )	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	2459473 2459025 2458789 2458644 2458470 2458467 2458717 2458928 2459033 2459413	444563 444944 445105 445117 445105 445063 445014 444942 444882 444524	7,5	0,8	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 4	
5	Cát, sỏi làm VLXDTT	Mỏ cát, sỏi trên suối Ngòi Thia thuộc các thôn Yên Hòa, Yên Phú Phú Thôn xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai ( <i>tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: Điểm Cát, sỏi Yên Hợp, xã Yên Hợp, Yên Phú, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái</i> )	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14	2416730 2416669 2416657 2416594 2416618 2416662 2416771 2416726 2416448 2416489 2416836 2416820 2416834 2416740	493627 493814 494042 494037 493748 493584 493107 493133 492501 492483 492016 492032 492052 492147	2,8  3,3  3,6	0,37	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 5  Sơ đồ 5  Sơ đồ 5	

STT	Loại khoáng sản	Tên mỏ; vị trí	Hệ tọa độ VN 2000, KTT: 104°45', MC: 3°			Diện tích mỏ (ha)	Diện tích khu vực phụ trợ mỏ (ha)	Tình trạng tài liệu thăm dò	Vị trí bản vẽ	Ghi chú	
			Điểm góc	X (m)	Y (m)						
			15	2416542	492298	5,0			Sơ đồ 5		
			16	2416500	492245						
			17	2416657	492080						
			18	2416799	491969						
			19	2417988	489932						
			20	2417814	490086						
			21	2417648	490227						
			22	2417323	490424						
			23	2417106	490518						
			24	2417006	490550						
			25	2416993	490511						
			26	2417088	490470						
			27	2417271	490404						
			28	2417383	490345						
6	Cát, sỏi làm VLXDĐT	Mỏ cát, sỏi trên sông Hồng thuộc các xã Mậu A, Xuân Ái, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quế, tỉnh Lào Cai ( <i>tên mỏ trong Quy hoạch tỉnh trước đây: 05 điểm cát sỏi tại các xã: An Thịnh, Đông Công, Lâm Giang, Châu Quế Thượng, Lang Thíp</i> )	1	2419742	492755	6,0	0,44	Chưa có tài liệu thăm dò	Sơ đồ 6.1		
			2	2419386	492968						
			3	2419117	493365						
			4	2419079	493340						
			5	2419357	492891						
			6	2419715	492684						
			1	2429774	483546	10,8					Sơ đồ 6.2
			2	2429712	483642						
			3	2429457	483448						
			4	2429244	483015						
			5	2429311	482945						
			6	2429427	483112						
			1	2437737	474271	5,5					Sơ đồ 6.3
			2	2437506	474392						

STT	Loại khoáng sản	Tên mỏ; vị trí	Hệ tọa độ VN 2000, KTT: 104°45', MC: 3°			Diện tích mỏ (ha)	Diện tích khu vực phụ trợ mỏ (ha)	Tình trạng tài liệu thăm dò	Vị trí bản vẽ	Ghi chú
			Điểm góc	X (m)	Y (m)					
			3	2437023	474484					
			4	2437004	474405					
			5	2437445	474338					
			6	2437708	474198					
			1	2443876	467805	7,7		Sơ đồ 6.4		
			2	2443525	468804					
			3	2443457	468778					
			4	2443810	467769					